



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3217 /BKHCN-UDCN

V/v góp ý dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2025

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2019

VIỆN CÔNG NGHỆ SINH HỌC

Số: 644

ĐẾN Ngày: 21/10/2019

Chuyên: -CB u tiên

Kính gửi:

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chính phủ về việc tiếp tục triển khai xây dựng chương trình khoa học và công nghệ quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiến hành nghiên cứu xây dựng dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2025.

Để hoàn thiện Dự thảo, Bộ Khoa học và Công nghệ trân trọng đề nghị Quý cơ quan có ý kiến góp ý bằng văn bản đối với dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ được gửi kèm theo công văn này (Dự thảo Tờ trình và Quyết định kèm theo được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ tại địa chỉ <https://www.most.gov.vn>, mục Lấy ý kiến về văn bản KH&CN).

Văn bản góp ý của Quý cơ quan (gồm cả file điện tử) đề nghị gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ; điện thoại: 024.39369018; email: vtduong@most.gov.vn), số 113 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội trước ngày 24 tháng 10 năm 2019.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý cơ quan./.

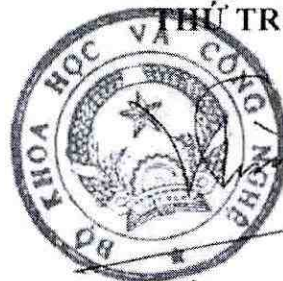
Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, UDCN

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Trần Văn Tùng

GS. T.V. Tài,
a. P. Trần
a. Đ. V. Duong
a. H. Quang
v/ai trò chuyên
liên tông
góp.
2. N. P. Nhung
tập hợp, ai
ý kiến.
22/10/2019
[Signature]

Danh sách các cơ quan, tổ chức dự kiến gửi xin ý kiến
Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình
“Đổi mới công nghệ quốc gia giai đoạn 2021 – 2025”

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Ghi chú
I. CÁC BỘ, NGÀNH (17 cơ quan)			
1.	Bộ Tài chính	Số 28 Trần Hưng Đạo - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội	
2.	Bộ Tư pháp	Số 60 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội	
3.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Số 49 Lý Thái Tổ - Hoàn Kiếm - Hà Nội	
4.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Số 6B Hoàng Diệu, Ba Đình, Hà Nội	
5.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Số 10 Tôn Thất Thuyết - Hà Nội	
6.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Số 18 Nguyễn Du, Hà Nội	
7.	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Số 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội	
8.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Số 2, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội	
9.	Bộ Giao thông vận tải	Số 80 Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm - Hà Nội	
10.	Bộ Công thương	Số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội	
11.	Bộ Xây dựng	Số 37 Lê Đại Hành - Hà Nội	
12.	Bộ Y tế	138A Giảng Võ - Ba Đình - Hà Nội	
13.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Số 35 Đại Cồ Việt, Hà Nội	
14.	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	Số 12 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	
15.	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – VCCI	Số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam	
II. CÁC TỈNH (20)			
1.	Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội	79A Đinh Tiên Hoàng, Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	
2.	Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh	Số 10 Phù Đổng Thiên Vương, Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	
3.	Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương	Số 45 Quang Trung - TP Hải Dương	

4.	Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên	Số 10 đường Chùa Chuông - thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên	
5.	Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình	Số 76, phố Lý Thường Kiệt, Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	
6.	Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc	Số 38, Nguyễn Trãi, phường Đồng Đa, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	
7.	Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang	số 01 Đường Đội Cấn - phường Nguyễn Trãi - TP Hà Giang - Tỉnh Hà Giang.	
8.	Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa	35 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	
9.	Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An	Số 03 - Trường Thi - TP. Vinh - tỉnh Nghệ An	
10.	Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh	Số 1 đường Nguyễn Tất Thành - TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	
11.	Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng	Số 24 Đường Trần Phú, Thạch Thang, TP. Đà Nẵng, Hải Châu 1 Hải Châu Đà Nẵng	
12.	Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định	số 30, Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	
13.	Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	Số 07 Độc lập, Tp Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên.	
14.	Ủy ban nhân dân thành phố TP. Hồ Chí Minh	Số 86 Lê Thánh Tôn, Bến Nghé, Quận 1, Hồ Chí Minh	
15.	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	Số 2 Nguyễn Văn Trị, Thanh Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	
16.	Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	Số 82 Tôn Đức Thắng, P. Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, An Giang	
17.	Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau	Số 2, đường Hùng Vương, Phường 5, Thành phố Cà Mau, Cà Mau	
18.	Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ	2 Đại lộ Hoà Bình, Tân An, Ninh Kiều, Cần Thơ	
19.	Ủy ban nhân dân tỉnh Long An	61 Nguyễn Huệ, Phường 1, Tân An, Long An	
20.	Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long	88 Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, Vĩnh Long	



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr - BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

Dự thảo

TỜ TRÌNH

Về Dự thảo Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia giai đoạn 2021 - 2025

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chính phủ về việc tiếp tục triển khai xây dựng các chương trình KH&CN quốc gia giai đoạn 2021 – 2025, Bộ Khoa học và Công nghệ đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng Dự thảo Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia. Thay mặt Ban soạn thảo, Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Thủ tướng Chính phủ về Dự thảo Chương trình như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT TIẾP TỤC TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Vai trò và hiệu quả của đổi mới công nghệ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội

Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và hoàn thiện hành lang pháp lý cơ bản (từ năm 2013) đã được Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp cùng các Bộ, ngành liên quan nhanh chóng đưa vào tổ chức triển khai thực hiện. Với triết lý lấy doanh nghiệp làm trung tâm để đổi mới và ứng dụng công nghệ, Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đã tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm nhằm nâng cao năng lực KH&CN quốc gia, năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp; hình thành và phát triển các sản phẩm hàng hóa thương hiệu Việt Nam có khả năng cạnh tranh về tính mới, về chất lượng và giá thành.

Đến nay, Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đã thu hút được hơn 300 đơn vị đề xuất trên cơ sở xác định các ngành, lĩnh vực và định hướng ưu tiên để đặt bài từ các Bộ, ngành, địa phương, lựa chọn được 58 đơn vị có năng lực tham gia thực hiện các nhiệm vụ, trong đó 64% số đơn vị trực tiếp chủ trì là các doanh nghiệp, huy động được 1.320 tỷ đồng vốn đối ứng (Chiếm 70% tổng kinh phí). Các nhiệm vụ được triển khai trên hơn 20 tỉnh thành, thuộc hơn 50 lĩnh vực công nghệ khác nhau, góp phần quan trọng phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và các ngành kinh tế. Phần lớn các nhiệm vụ được thực hiện theo hình

Hầu hết các doanh nghiệp lớn đều liên tục đổi mới công nghệ để nâng cao sức cạnh tranh, một số doanh nghiệp đã đầu tư cho nghiên cứu và phát triển⁴. Điều này đã giúp cho năng lực công nghệ của các doanh nghiệp trong nước từng bước được cải thiện⁵ và nhận được đánh giá cao của Ngân hàng thế giới khi so sánh với các nước trong khu vực.

Những kết quả đạt được trong thời gian qua của Chương trình đã có những đóng góp đáng kể trong việc tạo lập nền tảng quan trọng thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ, góp phần nâng cao vai trò của khoa học và công nghệ trong sự phát triển của một số ngành, lĩnh vực và sự hình thành của một số sản phẩm thương hiệu quốc gia, sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm mới có sức cạnh tranh cao trên thị trường, đồng thời phù hợp với định hướng phát triển của ngành KH&CN trong giai đoạn 2011 - 2020.

2. Một số kết quả đạt được của chương trình đổi mới công nghệ quốc gia giai đoạn 2011 – 2020

Tuy mới thực sự triển khai được năm năm, nhưng định hướng, lộ trình triển khai thực hiện các mục tiêu của Chương trình đã được xác định rõ, ngoài lĩnh vực nông nghiệp (chọn tạo giống lúa, hoa màu, thủy sản... được ưu tiên thực hiện từ năm 2013 đến nay), Chương trình mở rộng triển khai cho các lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, cơ khí, chế tạo máy, thiết bị điện, điện tử, hóa chất, vật liệu xây dựng... Đồng thời, bắt đầu đưa vào triển khai các nội dung đào tạo về quản lý, quản trị công nghệ, cập nhật công nghệ mới, tiên tiến phục vụ cho nhu cầu đổi mới của doanh nghiệp, Chương trình và đã đạt được những kết quả ban đầu quan trọng làm cơ sở cho định hướng lâu dài và tổ chức có hiệu quả trong giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể:

a) *Xây dựng thành công hệ thống bản đồ công nghệ quốc gia cho các ngành, lĩnh vực quan trọng*

Chương trình đã hoàn thành hệ thống các phương pháp và quy trình xây dựng Bản đồ công nghệ ở cấp độ ngành, lĩnh vực và cấp độ quốc gia; đã xây dựng hệ thống tiêu chí và chỉ tiêu xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của doanh nghiệp. Với những kết quả này, Việt Nam (cụ thể là Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia) đã tiếp cận được trình độ xây dựng Bản đồ công nghệ và xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của Hàn Quốc và Đài Loan vào giai đoạn 1999 - 2002 - là giai đoạn các quốc gia này đã trở thành các nước công nghiệp mới; đồng thời cho phép Chương trình từng bước triển khai các nhiệm vụ: 1. Đánh giá hiện trạng về cơ cấu, chủng loại công nghệ; trình độ và năng lực hấp thụ, làm chủ và khai thác công nghệ. 2. Nhu cầu đổi mới công nghệ của các

⁴Các doanh nghiệp lớn rất ý thức được vấn đề đổi mới công nghệ, đầu tư các hoạt động nghiên cứu và phát triển với 85 % các doanh nghiệp trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam có thực hiện cải tiến máy móc, công nghệ, 80% các doanh nghiệp có quan tâm đầu tư vào hoạt động R&D của đơn vị mình. (báo cáo của Vietnam report tháng 11 năm 2016)

⁵Theo Báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu 2017 của Diễn đàn kinh tế thế giới, Việt Nam đứng thứ 79/140 (điểm 4.0) quốc gia về độ sẵn sàng công nghệ, tăng 13 bậc so với năm 2015; thứ 71/140 (điểm 3.3) về đổi mới công nghệ, tăng 2 bậc so với năm 2015.

c) *Giải quyết kịp thời các vấn đề phát triển kinh tế xã hội đặt ra cho khoa học công nghệ*

Chương trình đã hỗ trợ tạo ra công nghệ, thiết bị, giống cây trồng,... giúp doanh nghiệp phát triển sản phẩm mới, nâng cao năng lực cạnh tranh trong các lĩnh vực nông nghiệp (chọn tạo giống lúa, rau, hoa quả...), lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, cơ khí, chế tạo máy, thiết bị điện, sản xuất phân bón... , đáp ứng kịp thời các nhu cầu của kinh tế xã hội đặt ra cho KHCN như:

* *Vấn đề xâm ngập mặn trong sản xuất lúa đồng bằng Sông Cửu Long:* chọn tạo thành công 06 giống lúa thuần chịu mặn và hạn, với năng suất và chất lượng tương đương các giống chất lượng cao, đặc biệt chịu được nhiễm mặn ở mức độ 6 - 8‰ (các giống lúa chịu mặn hiện chỉ đạt 4‰), thời gian chịu hạn không dưới 30 ngày, phục vụ canh tác trên diện tích bị nhiễm mặn vùng Đồng bằng Sông Cửu Long⁶ và được công nhận giống quốc gia. Đặc biệt 02 trong 06 giống mới này đã vượt qua những đợt ngập mặn và hạn hán kéo dài tại Đồng bằng Sông Cửu Long trong năm 2015 và 2016, sản lượng và chất lượng gạo đảm bảo. Các giống lúa thuần mới sẽ góp phần đáng kể giải quyết bài toán của gần 150.000 ha ngập mặn và trên 30.000 ha canh tác bị hạn hàng năm tại Đồng bằng Sông Cửu Long.

* *Vấn đề thay đổi mô hình tăng trưởng, tăng năng suất trong sản xuất, phát triển các sản phẩm công nghệ cao và ứng dụng công nghệ cao để nâng cao giá trị gia tăng:*

+ Chọn tạo 12 giống rau màu điển hình đạt chuẩn giống quốc gia từ hơn 3.000 giống cây rau màu ở Việt Nam và từ các nước trong khu vực và thế giới. Đã tổ chức huấn luyện, nhân rộng mô hình sản xuất và quy trình công nghệ canh tác cho hơn 12.000 hộ nông dân tham gia sản xuất và nhân giống thương phẩm. *Góp phần giảm 10% khối lượng và giá thành nhập khẩu các loại hạt giống này* (hàng năm Việt Nam phải chi khoảng 500 triệu USD để nhập khẩu hạt giống cây rau màu)⁷.

+ Nghiên cứu, chuyển giao thành công quy trình tách tinh dầu dừa tinh khiết (công nghệ VCO) đạt tiêu chuẩn quốc tế của tổ chức Hiệp hội Dừa Châu Á - Thái Bình Dương tại Công ty dừa Lương Quới (Bến Tre). Dầu dừa tinh khiết được sản xuất theo công nghệ VCO có giá thương mại gấp 4 lần dầu dừa sản xuất theo công nghệ tinh luyện hiện nay. Kết quả này tạo tiền đề quan trọng để doanh nghiệp Lương Quới - một trong những doanh nghiệp chủ lực của tỉnh Bến Tre quyết định đầu tư Dự án sản xuất các chế phẩm sinh học từ dầu dừa xuất khẩu sang Hoa Kỳ, EU và Nhật Bản. Với công nghệ mới này doanh nghiệp

⁶ Đã gửi 12 giống đến Cục trồng trọt đăng ký bảo hộ giống, 01 giống đã được công nhận chính thức là OM8928; 06 giống đã được sản xuất thử và đang đợi được công nhận.

⁷ Dự án "Ứng dụng công nghệ tích hợp từ công nghệ sinh học, công nghệ thông tin và các công nghệ canh tác tiên tiến vào quá trình chọn tạo và sản xuất hạt giống các loại cây trồng mới" do Công ty TNHH Việt Nông (Đồng Nai) thực hiện.

Giang, Tây Ninh, Long An, Đồng Nai, Đắk Lắk, Đà Lạt, Hiện nay, hệ thống chiếu sáng chuyên dụng này đã được sử dụng trên 1.050 ha trồng Thanh Long, 1.300 phòng nuôi cấy mô tế bào thực vật thay thế cho các hệ chiếu sáng thông thường, trực tiếp tiết kiệm được trên 102 tỷ đồng tiền điện, năng suất cây trồng tăng 20 - 30%.

+ Nhờ ứng dụng công nghệ IoT trong tối ưu hóa quá trình sản xuất, điều hành đã giúp nhà máy sản xuất nhíp ô tô của Tập đoàn Trường Hải phát triển hệ thống sản xuất thông minh, tăng sản phẩm xuất xưởng lên 15%/năm. Dự án thành công sẽ là cơ sở để đơn vị tiếp tục triển khai cho các nhà máy sản xuất khác cũng như tạo tiền đề cho việc ứng dụng và phát triển công nghệ 4.0 ở Việt Nam trong thời gian tới, góp phần nâng cao năng lực, sức cạnh tranh của doanh nghiệp trong thời kỳ hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

+ Đổi mới công nghệ với mục tiêu nghiên cứu làm chủ thiết kế chế tạo đồ gá hàn khung vỏ xe ô tô con để nâng cao năng xuất, chất lượng và mở rộng chủng loại sản phẩm của Công ty CP Công nghệ Đức Trung đã đẩy nhanh quá trình sản xuất dây chuyền hàn khung vỏ làm việc tự động nhờ các bộ đồ gá hàn tích hợp mạch điều khiển PLC và các Robot công nghiệp. Nhờ nâng cao năng lực sản xuất và làm chủ được công nghệ, doanh nghiệp đang góp phần chủ động đáp ứng các yêu cầu về cung cấp thiết bị mới cũng như phụ tùng thay thế cho các dây chuyền sản xuất ô tô trong nước như hợp đồng cung cấp hệ thống đồ gá hàn khung xe Bus điện 10,5m cho Công ty VINFAST.

3. Đánh giá về một số hạn chế, khó khăn và bất cập

1. Về cơ bản Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đã được triển khai một cách đồng bộ và đạt được nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, vẫn có một số nội dung thuộc Chương trình chưa thể triển khai hoặc chưa đạt được mục tiêu đã đề ra như:

Đối với nhóm nhiệm vụ về xây dựng và thực hiện lộ trình nâng cao năng lực công nghệ quốc gia: bên cạnh các kết quả đạt được về xây dựng bản đồ công nghệ và hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ như đã báo cáo ở trên, các nội dung liên quan đến hoạt động đào tạo quản lý, quản trị công nghệ và tìm kiếm nhóm tiềm năng để hỗ trợ thương mại hóa chưa đạt được các mục tiêu đề ra. Một số lý do khách quan đã được chỉ ra là do quyết tâm của một số doanh nghiệp chưa cao, do nhận thức và chưa có chính sách hỗ trợ thực sự hấp dẫn cho hoạt động đào tạo.

Đối với nhóm nhiệm vụ nghiên cứu, làm chủ, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong việc sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm: mặc dù đã có một số nhóm sản phẩm đã được triển khai đồng bộ và mang lại hiệu quả cao như lúa gạo, thủy sản, tuy nhiên một số nhóm sản phẩm khó có khả năng triển khai do có tính chất phức tạp, quy mô lớn, yêu cầu cao về tính khả thi và hướng đến sản xuất, thương mại hóa sản phẩm.

định hướng lâu dài và tổ chức có hiệu quả quá trình đổi mới công nghệ đa dạng về chủng loại, phức tạp về trình độ trong các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật.

Mặc dù sự đầu tư của nhà nước không lớn nhưng kết quả thu được đến nay đã thể hiện được phối hợp, liên kết và sự lan tỏa và sức hấp dẫn của Chương trình đối với doanh nghiệp trong một số lĩnh vực kinh tế - xã hội (nông nghiệp, công nghiệp, cơ khí chế tạo, y dược, ...), đặc biệt là các doanh nghiệp có mong muốn phát triển, mở rộng sản xuất, tăng giá trị hàng hóa và thị phần trong nước, hướng tới xuất khẩu.

Trước nhu cầu nghiên cứu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp để chế biến sâu, nâng cao chuỗi giá trị của các sản phẩm có thế mạnh của Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; thực hiện chỉ đạo của Đảng, Chính phủ về phát triển kinh tế, định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia trong giai đoạn năm 2020 - 2030¹², tước sức ép ngày càng gia tăng của nhu cầu phát triển nội tại của nền kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập, việc tiếp tục triển khai Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 nhằm tiếp tục tạo động lực, định hướng và thúc đẩy tốc độ, hiệu quả đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp, các ngành, các khu vực kinh tế và các vùng miền trong cả nước là hết sức cần thiết và cấp bách.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Chủ trương, quan điểm, cơ sở pháp lý:

Về cơ bản quan điểm của Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 đối với việc thúc đẩy hoạt động đổi mới công nghệ là giữ nguyên, nhất quán với quan điểm Chương trình giai đoạn 2011 - 2020, đồng thời:

1.1. Bám sát quan điểm chỉ đạo của Đảng và định hướng của Nhà nước về phát triển kinh tế nhanh, bền vững, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả sức cạnh tranh¹³.

1.2. Bám sát chủ trương, đường lối và nội dung nhiệm vụ tại các Nghị quyết của Đảng, Chính phủ¹⁴, Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn mới, Chiến lược phát triển các ngành, lĩnh vực chủ chốt, ưu tiên đến 2030, tầm nhìn 2035¹⁵, v.v... đối với các nội dung liên quan đến nâng cao tiềm lực KH&CN và

¹² Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 nêu: Ưu tiên nguồn lực, tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020, Chương trình phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao, Chương trình quốc gia nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020.

¹³ Nghị quyết số 10/2011/QH13 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015; Nghị quyết số 142/2016/QH13 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020.

¹⁴ Các Nghị quyết 01, 02, 27, 35 của Chính Phủ

¹⁵ Chỉ thị 16/CT-TTg về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4

hỗ trợ các nhiệm vụ có tác động lan tỏa, đóng góp tích cực vào tốc độ tăng trưởng của ngành, lĩnh vực, địa phương và phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Trên cơ sở đánh giá các kết quả đạt được và chưa đạt được của Chương trình giai đoạn 2011 – 2020 cũng như căn cứ vào quan điểm, định hướng chỉ đạo xây dựng Chương trình giai đoạn 2021 – 2025, Bộ KH&CN đề xuất một số nội dung cơ bản của Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 như sau:

1. Mục tiêu của Chương trình

- Số lượng doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ tăng trung bình 15% năm trong đó 5% doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ chủ chốt của công nghiệp 4.0; các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm làm chủ và tạo ra được công nghệ tiên tiến để sản xuất ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường.

- Cải thiện và thúc đẩy tăng năng suất lao động trong các ngành, lĩnh vực sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng cao, giá trị xuất khẩu lớn, sử dụng công nghệ cao, tự động hóa, phần đầu tăng nhanh hơn gấp 2 lần (tốc độ tăng) năng suất trung bình của ngành.

- Nâng cao trình độ, nhận thức và năng lực của doanh nghiệp thông qua việc hỗ trợ đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về quản lý, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới cho đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật viên và cán bộ quản lý.

- Hình thành tại mỗi vùng kinh tế ít nhất một mô hình ứng dụng chuyển giao công nghệ phù hợp với địa bàn.

2. Nội dung Chương trình

▪ Nhóm nội dung, nhiệm vụ lớn đề xuất tiếp tục triển khai theo quy định tại điều 37 của Luật Chuyển giao công nghệ:

Tuy nhiên Bộ KH&CN đề xuất xin điều chỉnh và thu gọn lại một số nội dung trong từng nhóm nội dung đề xuất ở trên cho phù hợp với vai trò, phạm vi, đối tượng của Chương trình và tình hình triển khai thực tế trong giai đoạn 2011-2020.

▪ Nội dung, nhóm nhiệm vụ dự kiến bổ sung về mặt nguyên tắc:

1. Dự án hỗ trợ viện nghiên cứu, trường đại học thực hiện hoạt động liên kết, hợp tác nghiên cứu chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ với các doanh nghiệp, với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương (Luật CGCN 2017; Nghị định 76/NĐ-CP về việc hướng dẫn 1 số điều của Luật chuyển giao công nghệ);

a) Xem xét, hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, nghiên cứu, làm chủ, ứng dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao tính năng, chất lượng của sản phẩm và đổi mới quy trình công nghệ, trong đó có chi phí chuyển giao công nghệ, mua thiết kế, mua phần mềm, thuê chuyên gia nước ngoài, đào tạo nguồn nhân lực.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp khai thác cơ sở dữ liệu về sở hữu công nghiệp để ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh.

c) Tổ chức, phối hợp và hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc hợp tác với các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ để chuyển giao, làm chủ, giải mã và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam.

d) Thúc đẩy việc ứng dụng mô hình quản trị, sản xuất kinh doanh theo hướng sản xuất thông minh và chuyển đổi số cho các doanh nghiệp việc sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm.

3. Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới công nghệ

a) Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống thông tin quản lý nguồn lực doanh nghiệp và quảng cáo sản phẩm.

b) Hỗ trợ ứng dụng, phát triển các công nghệ chủ chốt của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 nghiệp như trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence), chuỗi khối (Blockchain), phân tích dữ liệu lớn (Big data analytic), Internet kết nối vạn vật (Internet of Things), thế hệ mạng di động thứ 5 (5th Generation), robot, điện toán đám mây (I-cloud),... để ứng dụng trong sản xuất và phát triển một số sản phẩm mà Việt nam có lợi thế.

c) Cập nhật cơ sở dữ liệu về công nghệ mới, công nghệ tiên tiến và lực lượng chuyên gia công nghệ để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa khai thác, sử dụng phục vụ đổi mới công nghệ.

d) Hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, ứng dụng công nghệ tiên tiến, đào tạo, thuê chuyên gia thiết kế, sản xuất sản phẩm mới và thay đổi quy trình công nghệ.

4. Tăng cường nguồn lực cho đổi mới công nghệ vùng nông thôn, miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn

a) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ tiên tiến trong các lĩnh vực công nghệ sau thu hoạch và chế biến sản phẩm nông nghiệp; cải tạo giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao và cạnh tranh được với giống nhập khẩu; kết hợp chặt chẽ công nghệ tạo giống, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng và kiểm soát dịch bệnh ở quy mô lớn.

b) Tổ chức điều tra, khảo sát các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và kỹ thuật theo đặc trưng của từng vùng, địa bàn để xây dựng quy hoạch và hình thành mạng lưới mô hình đổi mới công nghệ đổi mới với từng vùng sinh thái.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tạo môi trường pháp lý thuận lợi thúc đẩy hoạt động đổi mới công nghệ

a) Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn để đánh giá việc thực hiện đổi mới công nghệ và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp; bổ sung, hoàn thiện hệ thống kê khai thuế của doanh nghiệp các nội dung sau: hoạt động chuyển giao, đổi mới công nghệ, tên công nghệ, đối tượng công nghệ, xuất xứ và giá trị công nghệ để phục vụ cho hoạt động đánh giá đổi mới công nghệ và làm căn cứ xác định và giám sát nghĩa vụ thuế, ưu đãi thuế cho doanh nghiệp.

b) Bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy hoạt động đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp và hình thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ ở các tổ chức khoa học và công nghệ.

c) Tăng cường thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ để thúc đẩy hoạt động sáng tạo và chuyển giao công nghệ, đặc biệt là các công nghệ tiên tiến và công nghệ mới.

d) Thực hiện hiệu quả và đồng bộ các cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa triển khai các hoạt động đổi mới công nghệ.

2. Phối hợp và triển khai đồng bộ các chương trình, đề án, dự án có liên quan đến đổi mới công nghệ. Rà soát, lồng ghép các nội dung của Chương trình với các đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến; đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông; các chương trình nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hoá của doanh nghiệp phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp, hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi, phát triển công nghệ cao, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, phát triển sản phẩm quốc gia, phát triển công nghiệp hóa được; các chương trình kinh tế trọng điểm nhà nước có liên quan.

3. Tăng cường nguồn lực tài chính thực hiện Chương trình

a) Bảo đảm kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung của Chương trình.

c) Đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư cho hoạt động đổi mới công nghệ. Khuyến khích các doanh nghiệp thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

+ Thị phần tăng lên rõ rệt? Cụ thể về việc chiếm lĩnh thị trường trước và sau khi thực hiện nhiệm vụ

+ Xuất khẩu ra thị trường nước ngoài? Thị trường nào? Kén chọn về sản phẩm hoặc yêu cầu đạt tiêu chuẩn?

²³ + Tạo việc làm mới? Hoặc thu nhập của người lao động được cải thiện như thế nào?

+ Đóng góp thuế nộp NSNN nhiều hơn?

+ Sản phẩm/dịch vụ đáp ứng nhu cầu thị trường tốt hơn như thế nào?

+ Sản phẩm/dịch vụ vươn ra được thị trường nước ngoài?

+ Dự án có làm phát sinh vấn đề về môi trường? nếu có thì đã được xử lý như thế nào?

+ Những tác động tích cực của dự án có tính bền vững như thế nào?

- Chủ trì, phối hợp các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng và thực hiện các dự án thuộc nội dung Chương trình;

- Hướng dẫn, kiểm tra và định kỳ hằng năm tổng hợp tình hình và báo cáo Thủ tướng Chính phủ; sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả và hiệu quả thực hiện Chương trình;

- Căn cứ tình hình phát triển kinh tế - xã hội, tình hình đổi mới công nghệ quốc gia, trình Thủ tướng Chính phủ những nội dung cần cập nhật, điều chỉnh Chương trình cho phù hợp.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính cân đối, bố trí kinh phí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, đặc biệt là cho Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, để thực hiện Chương trình;

- Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, ngành liên quan xây dựng cơ chế tài chính, hướng dẫn quản lý sử dụng kinh phí của Chương trình.

- Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chỉnh sửa hồ sơ khai thuế của các doanh nghiệp để thống kê được hoạt động chuyển giao, đổi mới công nghệ theo định kỳ.

c) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng và thực hiện các dự án thuộc nội dung Chương trình;

- Định kỳ hằng năm tổng kết, đánh giá kết quả và hiệu quả thực hiện dự án được giao, báo cáo Ban Chỉ đạo.

*

* *

Trên đây là nội dung cơ bản của Chương trình Đổi mới công nghệ quốc gia. Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ xem xét, chấp thuận./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng và các Phó thủ tướng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Các thành viên Ban soạn thảo;
- Lưu: VT.

Chu Ngọc Anh



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2025

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Chuyển giao Công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình Đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2025 (gọi tắt là Chương trình) với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

- Thúc đẩy tăng năng suất lao động trên cơ sở đổi mới công nghệ, đặc biệt trong các ngành, lĩnh vực sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng cao, giá trị xuất khẩu lớn, sử dụng công nghệ cao; Các doanh nghiệp trực tiếp tham gia Chương trình có tốc độ tăng năng suất lao động cao hơn tốc độ trung bình của quốc gia.

- Số lượng doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ tăng trung bình 15% năm trong đó 5% doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ chủ chốt của công nghiệp 4.0; các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm làm chủ và tạo ra được công nghệ tiên tiến để sản xuất ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường.

- Nâng cao năng lực hấp thụ, ứng dụng và đổi mới công nghệ của doanh nghiệp thông qua các hoạt động đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về quản lý, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới.

- Hình thành tại mỗi vùng kinh tế ít nhất một mô hình ứng dụng chuyển giao công nghệ phù hợp với địa bàn.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Xây dựng và thực hiện lộ trình nâng cao năng lực công nghệ quốc gia

a) Tổ chức đánh giá, cập nhật hiện trạng, trình độ và năng lực công nghệ trong các ngành, lĩnh vực theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế¹; xây dựng bản đồ công nghệ quốc gia và lộ trình đổi mới công nghệ đối

¹ Khoản 6 điều 54 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017

d) Hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, ứng dụng công nghệ tiên tiến, đào tạo, thuê chuyên gia thiết kế, sản xuất sản phẩm mới và thay đổi quy trình công nghệ để tạo ra các sản phẩm chiếm lĩnh thị trường trong nước, đặc biệt là các sản phẩm có dung lượng lớn và tính ổn định cao như thiết bị điện gia dụng, phương tiện di chuyển cá nhân,...

4. Tăng cường nguồn lực cho đổi mới công nghệ vùng nông thôn, miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn

a) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ tiên tiến trong các lĩnh vực công nghệ sau thu hoạch và chế biến sản phẩm nông nghiệp; cải tạo giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao và cạnh tranh được với giống nhập khẩu; kết hợp chặt chẽ công nghệ tạo giống, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng và kiểm soát dịch bệnh ở quy mô lớn.

b) Tổ chức điều tra, khảo sát các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và kỹ thuật theo đặc trưng của từng vùng, địa bàn để xây dựng quy hoạch và hình thành mạng lưới mô hình đổi mới công nghệ đối với từng vùng sinh thái.

c) Hỗ trợ đổi mới công nghệ phục vụ việc duy trì, phát triển thế mạnh của các ngành nghề, làng nghề truyền thống.

d) Hỗ trợ nâng cao năng lực phổ biến, nhân rộng mô hình ứng dụng, chuyển giao công nghệ cho các Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ và các điểm kết nối cung cầu công nghệ (đào tạo nâng cao năng lực, kết nối dịch vụ, hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ nhân rộng mô hình ứng dụng công nghệ thành công, hỗ trợ quảng bá sản phẩm tạo thành từ ứng dụng công nghệ, hỗ trợ kết nối với thị trường, đối tác, nguồn lực quốc tế).

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tạo môi trường pháp lý thuận lợi thúc đẩy hoạt động đổi mới công nghệ

a) Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn để đánh giá việc thực hiện đổi mới công nghệ và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp; bổ sung hệ thống kê khai thuế để cập nhật thông tin phục vụ đánh giá hiện trạng công nghệ và năng lực đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.

b) Bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy hoạt động đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp và hình thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ ở các tổ chức khoa học và công nghệ.

c) Tăng cường thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ để thúc đẩy hoạt động sáng tạo và chuyển giao công nghệ, đặc biệt là các công nghệ tiên tiến và công nghệ mới.

d) Thực hiện hiệu quả và đồng bộ các cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa triển khai các hoạt động đổi mới công nghệ.

2. Phối hợp và triển khai đồng bộ các chương trình, đề án, dự án có liên quan đến đổi mới công nghệ. Rà soát, lồng ghép các nội dung của Chương trình với các đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế

a) Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Chương trình, giúp Trưởng ban Chỉ đạo thực hiện các nội dung sau:

Phương án 1: - Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách và Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình;

Phương án 2: - Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành danh sách và Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình;

- Tham gia ý kiến với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc xây dựng và triển khai thực hiện các dự án thuộc nội dung Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng và thực hiện các dự án thuộc nội dung Chương trình.

- Hướng dẫn, kiểm tra và định kỳ hằng năm tổng hợp tình hình và báo cáo Thủ tướng Chính phủ; sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả và hiệu quả thực hiện Chương trình.

- Căn cứ tình hình phát triển kinh tế - xã hội, tình hình đổi mới công nghệ quốc gia, trình Thủ tướng Chính phủ những nội dung cần cập nhật, điều chỉnh Chương trình cho phù hợp.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính cân đối, bố trí kinh phí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, đặc biệt là cho Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, để thực hiện Chương trình;

- Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, ngành liên quan xây dựng cơ chế tài chính, hướng dẫn quản lý sử dụng kinh phí của Chương trình.

- Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chỉnh sửa hồ sơ khai thuế của các doanh nghiệp để thống kê được hoạt động chuyển giao, đổi mới công nghệ theo định kỳ.

c) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng và thực hiện các dự án thuộc nội dung Chương trình;

- Định kỳ hằng năm tổng kết, đánh giá kết quả và hiệu quả thực hiện dự án được giao, báo cáo Ban Chỉ đạo.

Điều 2. Kinh phí thực hiện Chương trình

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được đảm bảo từ các nguồn:

- Ngân sách nhà nước, gồm:

- + Kinh phí đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp.